

Số: 1384/TB-STNMT-VP

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc kiểm tra, đính chính dữ liệu đăng ký thi tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2020

Căn cứ Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1733/QĐ-STNMT-VP ngày 18/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1751/QĐ-STNMT-VP ngày 21/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt mã nhóm nghiệp vụ chuyên ngành thi tại Vòng 2 kỳ thi tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2020,

Để việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở năm 2020 tránh những sai sót có thể xảy ra, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở năm 2020 trên Website của Sở Tài nguyên và Môi trường tại địa chỉ: <http://sotnmt.hanoi.gov.vn> và gửi đến các đơn vị có chỉ tiêu thi tuyển để công khai tại đơn vị cho thí sinh biết, thực hiện.

Đề nghị các thí sinh đăng ký dự thi rà soát lại dữ liệu, các thông tin cá nhân của thí sinh đăng ký dự thi, đặc biệt là các nội dung: Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển; Phòng, đơn vị đăng ký thi tuyển; ngành hoặc chuyên ngành đào tạo; trình độ ngoại ngữ; trình độ tin học; miễn thi; ngoại ngữ đăng ký dự thi; diện ưu tiên;...

Nếu có sai sót cần đính chính, đề nghị thí sinh dự thi làm đơn theo mẫu kèm thông báo này và mang theo bản sao các giấy tờ minh chứng đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để nghị đính chính.

Thời gian đề nghị đính chính trong giờ hành chính từ ngày 04/01/2021 đến 17 giờ ngày 06/01/2021./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị có chỉ tiêu thi tuyển;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- TT CNTT TNMT (để đăng tải trên Website của Sở);
- Lưu: VT, VP-TC



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Duy Cường

**DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VIÊN CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI NĂM 2020**
(Kèm theo Thông báo số 1384/TB-STNMT-VP ngày 29/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

Biểu 1

Tổng số: 470 người đủ điều kiện dự thi

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Tên CDNN	Mã số									
1	Khổng Minh	Hiền	09/07/1986	Nam	Phú Minh, Sóc Sơn	CN	Kỹ thuật - Công nghệ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Kỹ thuật công nghệ	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Tin học	Tin học	TOEFL ITP 377 (A2)	Đại học	MTH	Tiếng Anh		
2	Đào Văn	Minh	18/12/1993	Nam	La Khê, Hà Đông	CN	Kỹ thuật - Công nghệ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Quản trị công nghệ thông tin và bản tin Tài nguyên Môi trường	Biên tập viên	V.11.01.03	ĐH	Kinh doanh xuất bản phẩm	Kinh doanh xuất bản phẩm	TOEFL ITP 373 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
3	Nguyễn Anh	Dương	13/02/1994	Nam	Thanh Lương, Hai Bà Trưng	CN	Kỹ thuật - Công nghệ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Kỹ thuật công nghệ	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	Kỹ thuật điện, điện tử	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
4	Lê Ngọc	Đạt	08/03/1991	Nam	Hoàng Hóa, Thanh Hóa	CN	Kỹ thuật - Công nghệ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Kỹ thuật công nghệ	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Kỹ thuật điện - điện tử	Kỹ thuật điện, điện tử	TOEIC (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
5	Vũ Đức	Linh	29/06/1986	Nam	Cửa Đông, Hoàn Kiếm	CN	Kỹ thuật - Công nghệ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Kỹ thuật công nghệ	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện, điện tử	TOEFL ITP 423 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
6	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	10/11/1990	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	ĐD	Phòng Khai thác - Dịch vụ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Đo vẽ chi tiết, xác định mốc giới, biên tập, thành lập bản đồ	Đo đạc bản đồ viên (hạng III)	V.06.06.17	ĐH	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	TOEFL ITP 400 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
7	Kiều Trung	Kiên	06/08/1995	Nam	Cần Kiệm, Thạch Thất	ĐD	Phòng Khai thác - Dịch vụ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Đo vẽ chi tiết, xác định mốc giới, biên tập, thành lập bản đồ	Đo đạc bản đồ viên (hạng III)	V.06.06.17	ĐH	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	TOEFL ITP 397 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
8	Dương Tuấn	Vinh	28/12/1990	Nam	Khuong Trung, Thanh Xuân	ĐD	Phòng Khai thác - Dịch vụ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Đo vẽ chi tiết, xác định mốc giới, biên tập, thành lập bản đồ	Đo đạc bản đồ viên (hạng III)	V.06.06.17	Ths	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
9	Nguyễn Hà	Anh	16/09/1995	Nữ	Đỗ Đông, Thanh Oai	TC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Tài chính, Kế toán	A2	Chứng chỉ ứng dụng CNTT		Tiếng Anh		
10	Nguyễn Thị Phương	Thanh	16/04/1987	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa	TC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Tài chính, Kế toán	TOEFL ITP 363 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
11	Sỹ Thị	Thúy	09/02/1997	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai	TC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Tài chính, Kế toán	TOEIC 515 (B1)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
12	Tạ Thị	Trà	29/08/1989	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	TC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Tài chính, Kế toán	Aptis (B2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
13	Nguyễn Thị	Thúy	03/01/1982	Nữ	Triều Khúc, Thanh Xuân	LT	Thông tin - Lưu trữ, TT Công nghệ thông tin TNMT Hà Nội	Thông tin - Lưu trữ	Lưu trữ viên (hạng III)	V.01.02.02	ĐH	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Lưu trữ học	TOEIC 210 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CTB	
14	Nguyễn Thị	Hoa	03/05/1993	Nữ	Viên An, Ứng Hòa	LT	Phòng Hành chính - Tổng hợp, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Lưu trữ	Cán sự	01.004	ĐH	Quản trị văn phòng	Quản trị văn phòng	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
15	Đặng Hoàng	Hà	19/09/1998	Nữ	Phượng Tú, Ứng Hòa	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
16	Nguyễn Thị Mai	Loan	01/09/1993	Nữ	Phượng Dục, Phú Xuyên	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
17	Đặng Thị	Thúy	08/06/1989	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
18	Nguyễn Hồng	Son	19/04/1982	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế hoạch tài chính	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý kinh doanh/ Tài chính kế toán	Quản lý kinh doanh/ Tài chính kế toán	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	CĐCĐ	
19	Nguyễn Việt	Anh	22/12/1989	Nam	Vân Canh, Hoài Đức	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Kế toán	TOEFL ITP 367 (Bậc 2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
20	Trần Thị Yên	Dung	03/07/1984	Nữ	Vân Quán, Hà Đông	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Kế toán	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
21	Đặng Quang	Đon	01/02/1995	Nam	Hồng Minh, Phú Xuyên	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Kế toán	TOEFL ITP 360 (A2)	Chứng chỉ IC3		Tiếng Anh		
22	Nguyễn Thị	Hương	10/12/1984	Nữ	Vân Hoàng, Phú Xuyên	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Kế toán	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	CĐCĐ	

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Hệ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
									Tên CDNN	Mã số									
23	Vũ Việt	Kiên	24/10/1995	Nam	Nhị Khê, Thường Tín	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.03.1	ĐH	Kế toán	Kế toán	TOEFL ITP 380 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
24	Phạm Thị Thanh	Loan	16/02/1996	Nữ	Thạch Thất, Quốc Oai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.03.1	ĐH	Kế toán	Kế toán	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
25	Nguyễn Kiều	My	01/11/1992	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.03.1	Ths	Kế toán	Kế toán	Học ĐH trở lên bằng tiếng NN	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			
26	Nguyễn Thị Lan	Phượng	26/01/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.03.1	ĐH	Kế toán	Kế toán	TOEIC 440 (Bậc 2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
27	Hoàng Thị Quế	Anh	29/09/1989	Nữ	Tuyệt Nghĩa, Quốc Oai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Tổng hợp thống kê	Chuyên viên	01.003	ĐH	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng	TOEIC 200 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
28	Nguyễn Hiền	Khanh	13/04/1992	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Tổng hợp thống kê	Chuyên viên	01.003	ĐH	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
29	Hoàng Minh	Nghĩa	01/10/1989	Nam	Long Biên, Long Biên	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Tổng hợp thống kê	Chuyên viên	01.003	ĐH	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
30	Lê Ngọc	Hà	04/04/1994	Nam	Láng Hạ, Đống Đa	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Khoa học đất	Khoa học đất	B	Chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT		Tiếng Anh		
31	Nguyễn Xuân	Huy	24/01/1987	Nam	Đồng Xuân, Hoàn Kiếm	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Khoa học đất	Khoa học đất	Bậc A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
32	Đỗ Thanh	Hải	26/04/1992	Nam	Tào Dương Văn, Ứng Hòa	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Học ĐH trở lên bằng tiếng NN	Chứng chỉ B	MNN			
33	Bùi Doãn	Lộc	17/01/1992	Nam	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
34	Nguyễn Anh	Tuấn	30/01/1991	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
35	Nguyễn Văn	Tiến	09/02/1989	Nam	Văn Quán, Hà Đông	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Luật	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	HTNV	
36	Đặng Việt	Tú	30/12/1972	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Luật	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
37	Đỗ Vi	Anh	02/01/1998	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Kế toán viên	06.03.1	ĐH	Kế toán	Kế toán	Học ĐH trở lên bằng tiếng NN	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			
38	Đoàn Thị Thanh	Hải	02/09/1990	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Kế toán viên	06.03.1	ĐH	Kế toán	Kế toán	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	DTTS	
39	Trương Thị	Phượng	04/08/1989	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Kế toán viên	06.03.1	ĐH	Kế toán	Kế toán	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
40	Nguyễn Thị	Xuân	20/07/1986	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Kế toán viên	06.03.1	ĐH	Kế toán kiểm toán	Kế toán kiểm toán	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
41	Nguyễn Thị Thủy	Ninh	24/02/1989	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín	ĐD	Phòng Bồi thường và giải phóng mặt bằng, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Đo đạc bản đồ viên hạng III	V.06.06.17	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ	Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
42	Nguyễn Trung	Hiếu	20/10/1990	Nam	Sóc Sơn, Sóc Sơn	ĐD	Phòng Quản lý và phát triển quỹ đất, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Quản lý và phát triển quỹ đất	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
43	Nguyễn Cao	Kỳ	26/08/1989	Nam	Đức Hòa, Sóc Sơn	ĐD	Phòng Quản lý và phát triển quỹ đất, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Quản lý và phát triển quỹ đất	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
44	Lê Văn	Trình	01/02/1991	Nam	Kim Hoa, Mê Linh	ĐD	Phòng Quản lý và phát triển quỹ đất, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Quản lý và phát triển quỹ đất	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
45	Ngô Tuấn	Đạt	28/11/1991	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐD	Phòng Quản lý và phát triển quỹ đất, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Quản lý và phát triển quỹ đất	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Kiến trúc	Kiến trúc	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
46	Hoàng Anh	Tú	02/08/1996	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây	ĐD	Phòng Quản lý và phát triển quỹ đất, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Quản lý và phát triển quỹ đất	Kế toán viên	06.03.1	ĐH	Kế toán, Phân tích và kiểm toán	Kế toán, Phân tích và kiểm toán	Học ĐH trở lên bằng tiếng NN	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Diện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
75	Nguyễn Thị Thu Thúy	06/09/1984	Nữ	Xuân La, Tây Hồ	TC	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Kế toán	TOEIC 170 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
76	Lê Anh Tú	22/12/1993	Nam	Kim Bài, Thanh Oai	TC	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Ths	Kế toán	Kế toán	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
77	Lê Thị Hồng Anh	03/08/1991	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
78	Tổng Văn Cường	26/10/1991	Nam	Tiền Phương, Chương Mỹ	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Ths	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	B1	Chứng chỉ Kỹ năng sử dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
79	Nguyễn Trác Đức	03/07/1994	Nam	Phú Xuyên, Phú Xuyên	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kỹ thuật môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	TOEIC 465 (B1)	Chứng chỉ Tin học ứng dụng		Tiếng Anh		
80	Đặng Thu Hà	01/06/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
81	Nguyễn Thị Hòa	20/08/1986	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	C	Chứng chỉ Tin học văn phòng B		Tiếng Anh		
82	Phùng Công Hưng	23/08/1990	Nam	Đồng Trục, Thạch Thất	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Ths	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	C	Chứng chỉ Tin học B		Tiếng Anh		
83	Nguyễn Thị Mỹ Linh	26/11/1997	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	TOEFL 380 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
84	Phạm Thị Hoài Phương	19/12/1990	Nữ	Cự Khối, Long Biên	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Ths	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
85	Nguyễn Thị Phương	04/12/1990	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
86	Phạm Thị Thúy	19/08/1987	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	B	Chứng chỉ Tin học văn phòng B		Tiếng Anh	CĐCD	
87	Nguyễn Thị Thu Trang	21/01/1987	Nữ	Phủ La, Hà Đông	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
88	Cù Ngọc Phương Thanh	11/02/1994	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	MT	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch tổng hợp, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Tài chính và Quản lý	Tài chính và Quản lý, Công nghệ kỹ thuật môi trường	Học ĐH trở lên bằng tiếng nước ngoài	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			
89	Cao Thúy An	27/06/1997	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	MT	Phòng Quản lý và Thực hiện dự án, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Khai thác dịch vụ môi trường	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kinh tế tài nguyên	Kinh tế tài nguyên và môi trường, Quản trị kinh doanh, Công nghệ kỹ thuật môi trường	B	Chứng chỉ Tin học ứng dụng B		Tiếng Anh		
90	Phạm Thị Hoài Giang	07/08/1991	Nữ	Quang Trung, Sơn Tây	MT	Phòng Quản lý và Thực hiện dự án, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Khai thác dịch vụ môi trường	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kinh tế tài nguyên và môi trường, Quản trị kinh doanh, Công nghệ kỹ thuật môi trường	TOEFL 377 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
91	Nguyễn Trọng Minh	04/01/1995	Nam	Chương Dương, Hoàn Kiếm	MT	Phòng Quản lý và Thực hiện dự án, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Khai thác dịch vụ môi trường	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản trị Kinh doanh	Kinh tế tài nguyên và môi trường, Quản trị kinh doanh, Công nghệ kỹ thuật môi trường	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
92	Cao Duy Nam	03/11/1997	Nam	Phủ Thịnh, Sơn Tây	MT	Phòng Quản lý và Thực hiện dự án, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Khai thác dịch vụ môi trường	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Kinh tế tài nguyên và môi trường, Quản trị kinh doanh, Công nghệ kỹ thuật môi trường	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
93	Nguyễn Đức Nam	08/09/1996	Nam	Vân Bình, Thường Tín	MT	Phòng Quan trắc và Phân tích tài nguyên môi trường, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Quan trắc tài nguyên môi trường	Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	V.06.05.14	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
94	Lê Anh Tuấn	07/04/1989	Nam	Cô Nhuế 2, Bắc Từ Liêm	MT	Phòng Quan trắc và Phân tích tài nguyên môi trường, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Quan trắc tài nguyên môi trường	Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	V.06.05.14	ĐH	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
95	Trần Thị Hào	02/06/1981	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân	MT	Phòng Quan trắc và Phân tích tài nguyên môi trường, TT Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Phân tích tài nguyên môi trường	Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	V.06.05.14	ĐH	Hóa sinh học	Hóa sinh học	TOEIC 280 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
96	Nguyễn Minh Thắng	27/11/1998	Nam	Tĩnh Thái Đình	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Hành chính công	B3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
97	Nguyễn Thủy Tiên	18/03/1993	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật kinh doanh	Đại học: Luật, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Hành chính công	Tiếng Pháp B2	Tin học VP		Tiếng Anh		
98	Nguyễn Trọng Tường	30/4/1991	Nam	Phượng Cách, Quốc Oai	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Hành chính công	B	Kỹ năng sử dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
99	Ngô Thị Lan Anh	12/02/1996	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính một cửa	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Thương mại Quốc tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
100	Nguyễn Thị Thanh Hà	26/08/1985	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính một cửa	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL ITP 393d (Bậc 2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
101	Trương Đình Quang	30/12/1993	Nam	Trung Liệt, Đống Đa	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính một cửa	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
102	Vũ Phương Thảo	27/11/1994	Nữ	Tĩnh Vĩnh Phúc	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính một cửa	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật học	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
103	Nguyễn Thị Minh Yến	21/07/1991	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính một cửa	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
104	Ngô Thị Quỳnh Anh	29/8/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản trị nhân lực	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	TOEFL ITP 483d (B1)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
105	Nguyễn Đức Chung	05/11/1989	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
106	Thần Thế Cường	03/06/1993	Nam	Chung Yên, Cầu Giấy	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CAH	
107	Nguyễn Tiến Dũng	28/05/1986	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
108	Bùi Thị Quỳnh Dương	05/06/1996	Nữ	Cầu Giấy, Hà Nội	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
109	Lê Thị Thúy Hằng	20/12/1992	Nữ	Tĩnh Bắc Giang	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Hành chính học	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	TOEIC 180đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
110	Nguyễn Thị Huyền	01/10/1995	Nữ	TT. Quốc Oai, Quốc Oai	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý nhà nước	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	TOEIC 410đ (B1)	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	H+ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
111	Nguyễn Vũ Thảo Linh	12/3/1997	Nữ	Tỉnh Thái Bình	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật học	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B1	IC3		Tiếng Anh		
112	Nguyễn Thị Luyến	26/09/1989	Nữ	Đồng Hới, Đồng Anh	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bảng ĐH trở lên đào tạo bằng tiếng nước ngoài	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			
113	Nguyễn Thị Ngọc	29/07/1997	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	HIC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	TOEFL ITP 417 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
114	Nguyễn Thị Nhân	14/12/1992	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý nhà nước về kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Tin học ứng dụng		Tiếng Anh		
115	Nguyễn Thị Tâm	17/02/1986	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B1	Trung cấp tin học ứng dụng	MTH	Tiếng Anh		
116	Nguyễn Trung Thành	27/4/1990	Nam	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân	HC	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản trị nhân lực	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bảng ĐH ngành Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ B	MNN			
117	Vũ Thu Phương Anh	11/08/1994	Nữ	Nguyễn Khê, Đông Anh	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	Bảng ĐH trở lên đào tạo bằng tiếng nước ngoài	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			
118	Kiều Hoàng Anh	31/10/1995	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
119	Nguyễn Thị Anh	21/06/1989	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
120	Tô Tuấn Anh	10/01/1998	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	Bảng ĐH trở lên đào tạo bằng tiếng nước ngoài	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			
121	Lê Thị Chang	24/8/1989	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	A2	Chứng chỉ CNTT CB		Tiếng Anh		
122	Nguyễn Thị Cúc	14/08/1991	Nữ	TT Kim Bài, Thanh Oai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
123	Vũ Thị Kim Dung	29/01/1983	Nữ	Có Nhuế 2, Bắc Từ Liêm	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán kiểm toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
124	Trần Thị Dung	13/12/1989	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
125	Hoàng Thủy Dương	20/08/1996	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
126	Nguyễn Thị Hương Giang	15/02/1985	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
127	Phạm Thị Thu Hà	04/02/1997	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	TOEIC (475đ)	Chứng chỉ CNTT CB		Tiếng Anh		
128	Đào Thị Thu Hà	02/08/1994	Nữ	Quốc Đông, Thường Tín	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B1	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
129	Trần Thị Hòa	28/02/1989	Nữ	Kim Liên, Đống Đa	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	Bậc 5	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
130	Trích Mai Hương	12/07/1991	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Ths	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	Bảng ĐH tiếng Anh	Chứng chỉ B	MNN			
131	Lưu Thị Thu Hương	14/11/1976	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
132	Nguyễn Đức Huy	28/12/1979	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	TOEFL ITP 370 (A2)	Tin học ứng dụng		Tiếng Anh		
133	Lê Thị Ngọc Huyền	21/12/1990	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	Bảng ĐH tiếng Anh	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			
134	Đặng Mỹ Linh	11/11/1997	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	TOEIC (775đ)	IC3		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Diện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
135	Nguyễn Thùy Linh	13/11/1991	Nữ	Khuong Đình, Thanh Xuân	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	TOEFL ITP 353 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
136	Nguyễn Thị Lương	26/02/1997	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.032	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
137	Trần Hồng Nga	17/05/1993	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	C	Chứng chỉ C		Tiếng Anh		
138	Khúc Bích Ngọc	23/07/1993	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
139	Cao Bích Ngọc	16/7/1994	Nữ	Khuong Mai, Thanh Xuân	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	TOEFL ITP (390d)	Chứng chỉ đạt chuẩn Ứng dụng CNTT		Tiếng Anh		
140	Nguyễn Lan Phương	08/09/1990	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
141	Nguyễn Phương Thảo	09/09/1997	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	TOEIC 540d (B1)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
142	Nguyễn Thị Thu Thủy	15/6/1988	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
143	Nguyễn Thị Trang	07/6/1991	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
144	Trần Thu Trang	27/12/1980	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.032	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	B1	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
145	Nguyễn Ngọc Tuấn	10/01/1991	Nam	Sơn Đà, Ba Vì	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.032	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
146	Tổng Thị Vân	09/7/1985	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Kế toán	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	A2	Kỹ năng sử dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CBB	
147	Phạm Thị Vân	02/02/1993	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai	TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Kế toán	Kế toán viên	06.031	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Đại học: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	TOEFL ITP tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
148	Vũ Thị Thủy Anh	12/9/1998	Nữ	Thành phố Hải Phòng	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 370 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
149	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/05/1993	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
150	Cac Ngọc Ánh	18/10/1998	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
151	Vương Công Chính	18/11/1991	Nam	Tỉnh Nam Định	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
152	Phạm Quang Đăng	08/02/1990	Nam	Tỉnh Quảng Bình	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CTB	
153	Đỗ Thanh Hà	31/8/1994	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
154	Phùng Thị Hà	30/01/1993	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
155	Phạm Trung Hiếu	17/11/1987	Nam	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 380 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
156	Vũ Thị Phương Hoa	23/01/1992	Nữ	Thành phố Hải Phòng	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
157	Nguyễn Kim Anh Hoàng	16/3/1997	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 420 (A2)	IC3		Tiếng Anh		
158	Nguyễn Diệu Huế	25/08/1993	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
159	Đỗ Quốc Huy	23/6/1987	Nam	Khuong Mai, Thanh Xuân	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
160	Lê Thị Huyền	23/6/1996	Nữ	Tỉnh Hà Nam	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
161	Ta Ngọc Lâm	17/06/1984	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Tin học VP		Tiếng Anh		
162	Nguyễn Đăng Lý	02/6/1988	Nam	Lệ Chi, Gia Lâm	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 377d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
163	Nguyễn Ngọc Mai	19/03/1988	Nữ	Quán Thánh, Ba Đình	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bằng ĐH trở lên đào tạo bằng tiếng nước ngoài	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB	MNN			
164	Nguyễn Thúy My	01/01/1994	Nữ	Tây Sơn, Đống Đa	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
165	Võ Thị Nga	04/8/1991	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa Chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
166	Trương Minh Ngọc	28/09/1986	Nam	Văn Điển, Thanh Trì	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
167	Kiều Thị Hồng Ngọc	28/3/1993	Nữ	Sen Phương, Phúc Thọ	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
168	Nguyễn Đức Như	01/12/1991	Nam	Hợp Thanh, Mỹ Đức	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
169	Nguyễn Minh Phú	19/01/1991	Nam	Hà Cầu, Hà Đông	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bằng ĐH tiếng Anh	Kỹ năng sử dụng CNTT CB	MNN			
170	Nguyễn Hải Phúc	27/12/1985	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
171	Bùi Văn Phúc	18/05/1994	Nam	Phú Đô, Nam Từ Liêm	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
172	Đỗ Văn Tinh	12/08/1982	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	CBB	
173	Nguyễn Nam Trung	08/05/1981	Nam	Tĩnh Bắc Giang	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CTB	
174	Lương Anh Tú	20/10/1988	Nam	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐD	Phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Kỹ năng CNTT		Tiếng Anh		
175	Nguyễn Đức Anh	29/09/1995	Nam	Thạch Bàn, Long Biên	LT	Phòng Thông tin - Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Quản lý, lưu trữ, khai thác và cung cấp thông tin hồ sơ địa chính	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Lưu trữ, Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
176	Nguyễn Hữu Đạt	18/02/1995	Nam	Hà Cầu, Hà Đông	LT	Phòng Thông tin - Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Quản lý, lưu trữ, khai thác và cung cấp thông tin hồ sơ địa chính	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Lưu trữ, Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
177	Nguyễn Tuyết Lê	17/07/1995	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa	LT	Phòng Thông tin - Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Quản lý, lưu trữ, khai thác và cung cấp thông tin hồ sơ địa chính	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Lưu trữ, Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
178	Bùi Duy Việt	23/4/1990	Nam	Phan Huy Chú, Hà Đông	LT	Phòng Thông tin - Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Quản lý, lưu trữ, khai thác và cung cấp thông tin hồ sơ địa chính	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Lưu trữ, Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
179	Hoàng Thị Xuân	09/5/1991	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy	LT	Phòng Thông tin - Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Quản lý, lưu trữ, khai thác và cung cấp thông tin hồ sơ địa chính	Chuyên viên	01.003	ĐH	Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng	Đại học: Lưu trữ, Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
180	Nguyễn Năng Chung	10/11/1984	Nam	Từ Liêm, Tây Hồ	CN	Phòng Thông tin - Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Công nghệ thông tin	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Tin học Trắc Địa	Đại học: Công nghệ thông tin, Tin học	B1	ĐH Tin học trắc địa	MTH	Tiếng Anh	CBB	
181	Đỗ Bá Nhật Minh	08/11/1994	Nam	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm	CN	Phòng Thông tin - Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Công nghệ thông tin	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Công nghệ thông tin	Đại học: Công nghệ thông tin, Tin học	B1	ĐH CNTT	MTH	Tiếng Anh		
182	Trần Sơn Tùng	13/3/1985	Nam	Trúc Bạch, Ba Đình	CN	Phòng Thông tin - Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội	Công nghệ thông tin	Kỹ sư	V.05.02.07	ĐH	Công nghệ thông tin	Đại học: Công nghệ thông tin, Tin học	Bậc 3	ĐH CNTT	MNN, MTH			
183	Lưu Bách Chiến	23/07/1989	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội quận Hai Bà Trưng	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa Chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
184	Phạm Trần Hải Dương	29/09/1985	Nam	Ngọc Khánh, Ba Đình	ĐD	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội quận Hai Bà Trưng	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Tin học VP		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thí viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm thí tuyển	Chức danh nghề nghiệp tăng ký thí tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Tên CDNN	Mã số									
185	Trần Thị Thanh	Huyền	07/03/1987	Nữ	Cát Linh, Đống Đa	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hai Bà Trưng	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
186	Bùi Thị	La	24/05/1988	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hai Bà Trưng	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.05	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
187	Lương Thị	Hòa	08/03/1993	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hai Bà Trưng	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	bậc 2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
188	Nguyễn Minh	Thu	29/03/1991	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hai Bà Trưng	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
189	Hoàng Thị Thu	Trang	11/10/1990	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hai Bà Trưng	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật học	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
190	Nguyễn Thị	Thủy	03/9/1982	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hoàng Mai	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kinh tế địa chính	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
191	Phí Thị Minh	Trang	28/6/1994	Nữ	Phương Mai, Đống Đa	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hoàng Mai	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	A2	Tin học VP		Tiếng Anh		
192	Lê Tuấn	Anh	17/06/1992	Nam	Văn Điển, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
193	Trần Hải	Đặng	05/07/1997	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
194	Nguyễn Tiến	Đạt	12/9/1995	Nam	Tống Bạt, Ba Vì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
195	Trần Chung	Dũng	25/06/1986	Nam	Yên Mỹ, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 383d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
196	Lê Tiến	Dũng	26/11/1981	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
197	Nguyễn Hà	Dương	21/01/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 350d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
198	Phạm Mai	Hương	14/11/1997	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
199	Vũ Thị Thanh	Huyền	02/07/1982	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
200	Nguyễn Thủy	Linh	16/11/1992	Nữ	Văn Hà, Phúc Thọ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
201	Nguyễn Thị Mai	Linh	23/11/1995	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
202	Nguyễn Thị	Loan	12/01/1985	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
203	Nguyễn Đức	Mạnh	28/09/1992	Nam	Minh Khai, Bắc Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
204	Ứng Trọng	Nghĩa	08/10/1984	Nam	Thành Công, Ba Đình	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
205	Phạm Hồng	Nhung	28/06/1998	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 427d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
206	Nguyễn Văn	Ninh	07/12/1992	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hệ khẩu thường trú	Mã thí viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
207	Ngô Ngọc Phương	13/12/1993	Nam	Văn Điển, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
208	Vũ Thiện Quang	10/10/1996	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
209	Đặng Thị Thu Quyên	19/07/1998	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC EST 230đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
210	Tăng Trần Sơn	08/4/1984	Nam	Phú Minh, Phú Xuyên	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
211	Nguyễn Công Thành	27/5/1995	Nam	Phú Xuyên, Phú Xuyên	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
212	Nguyễn Đức Thiệu	14/04/1997	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC 645đ (B1)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
213	Phạm Thị Tinh	03/08/1993	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
214	Vũ Anh Tú	12/9/1988	Nam	Định Công, Hoàng Mai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
215	Bùi Xuân Giáp	30/03/1984	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Luật học	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
216	Hoàng Mạnh Hiếu	30/07/1987	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
217	Nguyễn Thị Hòa Riêng	04/3/1981	Nữ	Linh Nam, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Trung cấp CNTT	MTH	Tiếng Anh	CTB	
218	Nguyễn Thị Hòa Thơ	04/02/1984	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	CĐCĐ	
219	Vũ Đức Tiến	15/08/1994	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEIC 775đ (B1)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
220	Đặng Thị Thảo	18/9/1988	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Thanh Trì	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B1	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
221	Trần Ngọc Anh	03/12/1984	Nữ	Phước Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
222	Trần Tuấn Anh	18/10/1986	Nam	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 390đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
223	Nguyễn Ngọc Anh	08/03/1984	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
224	Nguyễn Xuân Dương	24/09/1989	Nam	Vinh Ngọc, Đông Anh	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
225	Nguyễn Thị Hạnh	15/02/1979	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CNTB	
226	Nguyễn Đình Hùng	03/01/1992	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
227	Trần Duy Hưng	09/02/1983	Nam	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Tin học VP		Tiếng Anh		
228	Đinh Thị Mai Hương	25/09/1983	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Tin học VP		Tiếng Anh		
229	Nguyễn Văn Long	03/02/1989	Nam	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thí viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
230	Lê Vũ Long	24/06/1988	Nam	Thuy Phương, Bắc Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Cao đẳng CNTT	MTH	Tiếng Anh		
231	Nguyễn Thị Thanh Mai	31/01/1997	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
232	Nguyễn Thanh Nga	13/05/1994	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
233	Đặng Đình Phong	21/10/1985	Nam	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Tin học VP		Tiếng Anh		
234	Trần Thị Thanh Tâm	29/3/1994	Nữ	Tĩnh Bắc Ninh	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
235	Hoàng Đức Thành	29/9/1984	Nam	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
236	Trần Hữu Thiệu	15/04/1989	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC 210đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
237	Trần Hoài Văn	30/08/1990	Nam	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
238	Trần: Dương Nhật Linh	20/05/1996	Nam	Văn Bình, Thường Tín	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEIC tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
239	Phùng Thị Quỳnh Mai	28/10/1994	Nữ	Phủ Lãm, Hà Đông	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL ITP 377đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
240	Bùi Thị Quyên	14/09/1985	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
241	Đặng Khánh Linh	30/03/1997	Nữ	Tĩnh Hà Nam	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Bắc Từ Liêm	Hành chính tổng hợp (kiểm thu quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh doanh	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bảng ĐH trở lên đào tạo bằng tiếng nước ngoài	IC3	MNN			
242	Đinh Thị Bích Liên	15/6/1979	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Cầu Giấy	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	CĐCĐ	
243	Nguyễn Văn Phúc	28/11/1985	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Cầu Giấy	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 2	Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản		Tiếng Anh		
244	Nguyễn Thị Tú Bình	16/09/1991	Nữ	Tĩnh Hòa Bình	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Cầu Giấy	Hành chính tổng hợp (kiểm thu quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản trị nhân lực	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
245	Nguyễn Hà Anh	30/12/1997	Nữ	Phượng Liệt, Thanh Xuân	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Tây Hồ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
246	Trương Đức Giao	07/05/1990	Nam	Xuân La, Tây Hồ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Tây Hồ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	IC3		Tiếng Anh		
247	Đỗ Minh Tiến	24/12/1992	Nam	Cửa Nam, Hoàn Kiếm	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Tây Hồ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
248	Đỗ Nhật Trang	01/07/1987	Nam	Tuyệt Nghĩa, Quốc Oai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Tây Hồ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
249	Phạm Phương Anh	19/08/1991	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Tây Hồ	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
250	Đỗ Minh Phương	25/9/1987	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Tây Hồ	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
251	Nguyễn Thanh Thúy	19/3/1980	Nữ	Nguyễn Khê, Đông Anh	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Tây Hồ	Hành chính tổng hợp (kiểm thu quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
252	Cần Mạnh Cường	17/12/1989	Nam	Phụng Thượng, Phúc Thọ	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
253	Vũ Thùy Dung	11/8/1997	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 383d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
254	Nguyễn Hương Giang	27/12/1993	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản		Tiếng Anh		
255	Phạm Thị Thu Hiền	14/01/1980	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CTB	
256	Vũ Thị Hợp	21/01/1985	Nữ	Tiến Thịnh, Mễ Linh	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
257	Phạm Quang Huy	06/4/1992	Nam	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 367d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
258	Nguyễn Thị Huyền	19/4/1992	Nữ	Tĩnh Thái Bình	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
259	Nguyễn Thị Yên Linh	19/10/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
260	Nguyễn Hạnh Nguyên	13/11/1997	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 463d (B1)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
261	Vũ Thị Thu Thủy	04/10/1993	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
262	Lại Xuân Vũ	06/01/1991	Nam	Mễ Trì, Nam Từ Liêm	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
263	Bùi Thanh Nhân	15/07/1982	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	DH	Hành chính học	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
264	Ngô Bá Sơn	24/06/1983	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
265	Nguyễn Phương Thảo	09/02/1991	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEIC 340d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
266	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/02/1988	Nữ	Tĩnh Vĩnh Phúc	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Nam Từ Liêm	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	DH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
267	Đỗ Văn Hùng	18/03/1993	Nam	Minh Khai, Hoài Đức	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Hoài Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
268	Lưu Thanh Tùng	10/11/1995	Nam	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Hoài Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL 357d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
269	Trần Thị Ngọc Ánh	25/03/1998	Nữ	Thọ An, Đan Phượng	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Hoài Đức	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	DH	Luật Kinh doanh	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
270	Nguyễn Thị Oanh	14/02/1985	Nữ	TT Quốc Oai, Quốc Oai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Hoài Đức	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	DH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Tin học VP		Tiếng Anh		
271	Nguyễn Thị Yên	27/10/1991	Nữ	An Khánh, Hoài Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Hoài Đức	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
272	Nguyễn Bá Hùng	25/10/1980	Nam	Lại Yên, Hoài Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Hoài Đức	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	DH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thí viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thí tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thí tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
273	Phạm Thùy Dương	26/06/1994	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Thanh Xuân	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bảng ĐH trở lên đào tạo bằng tiếng nước ngoài	Chứng chỉ B	MNN			
274	Nguyễn Thị Thu Hằng	30/04/1984	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Thanh Xuân	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
275	Bùi Thị Nha Trang	02/07/1987	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Thanh Xuân	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
276	Phạm Thu Huyền	10/12/1996	Nữ	Văn Khê, Hà Đông	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Thanh Xuân	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản trị nhân lực	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
277	Nguyễn Bá Biên	09/01/1984	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
278	Nguyễn Thị Hồng Diễm	20/08/1995	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Giấy chứng nhận Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
279	Vũ Văn Đức	04/11/1986	Nam	Bình Minh, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
280	Lê Thu Hằng	13/12/1994	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
281	Dương Minh Hiếu	08/11/1997	Nam	Tân Dân, Phú Xuyên	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC 360đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
282	Phạm Thị Kim Hoàng	02/07/1987	Nữ	Xuân Dương, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
283	Trần Tuyết Lan	15/09/1984	Nữ	Quýnh Mai, Hai Bà Trưng	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
284	Bùi Thị Ngọc	31/01/1993	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
285	Nguyễn Ngọc Sơn	04/8/1976	Nam	Quang Trung, Hà Đông	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Kỹ năng CNTT		Tiếng Anh		
286	Phượng Phương Thảo	16/07/1992	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
287	Vũ Thị Như Trang	29/9/1989	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
288	Kim Thị Thu Trang	23/08/1992	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
289	Phạm Thanh Tùng	22/11/1996	Nam	Phú Lã, Hà Đông	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
290	Nguyễn Văn Vốn	20/5/1979	Nam	Phúc La, Hà Đông	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
291	Hoàng Thị Hoa	14/8/1983	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Hành chính một cửa (Kiểm kế toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
292	Ngô Thị Minh Nguyệt	12/05/1990	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Hành chính một cửa (kiểm kế toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL ITP 360đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
293	Nguyễn Ngọc Huyền	12/03/1993	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
294	Trịnh Thành Long	29/01/1998	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Hà Đông	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
295	Trần Thị Phương Anh	04/9/1997	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 380d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
296	Vũ Việt Dũng	02/11/1982	Nam	Kim Bài, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
297	Bùi Trung Hiếu	01/11/1992	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
298	Hà Huy Hùng	07/9/1990	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
299	Nguyễn Văn Hùng	16/04/1984	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
300	Thần Đức Lâm	23/12/1992	Nam	Long Biên, Long Biên	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Đạt chuẩn TT 03/2014/TT-DTTT		Tiếng Anh		
301	Đặng Thị Diệu Linh	12/4/1993	Nữ	Hoàng Văn Thu, Hoàng Mai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
302	Nguyễn Văn Lợi	12/05/1994	Nam	Trung Liệt, Đống Đa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
303	Phạm Quang Long	20/09/1991	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC 525d (B1)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
304	Đinh Ngọc Phú	05/01/1984	Nam	Yên Viên, Gia Lâm	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 417d (Bậc 2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CBB	
305	Nguyễn Tiến Trinh	02/08/1992	Nam	Trâu Quỳ, Gia Lâm	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
306	Nguyễn Thị Giang	02/9/1989	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Hành chính một cửa (kiểm kế toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
307	Nguyễn Ngọc Minh	17/11/1991	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Hành chính một cửa (Kiểm kế toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
308	Trần Việt Anh	21/4/1987	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bậc 2	Kỹ năng CNTT		Tiếng Anh		
309	Nguyễn Đình Huy	13/09/1998	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội quận Long Biên	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
310	Nguyễn Trung Kiên	12/11/1994	Nam	Hưng Yên	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Gia Lâm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC 175d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
311	Nguyễn Đình Quý	31/10/1981	Nam	Cao Dương, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Gia Lâm	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Kỹ năng CNTT		Tiếng Anh		
312	Lê Trường Giang	13/01/1991	Nam	Yên Thường, Gia Lâm	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Gia Lâm	Hành chính một cửa (Kiểm kế toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
313	Nguyễn Thu Hoàng	18/12/1994	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Gia Lâm	Hành chính một cửa (kiểm kế toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
314	Chữ Minh Toàn	16/03/1986	Nam	Gia Thụy, Long Biên	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Gia Lâm	Hành chính một cửa (Kiểm kế toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Tin học VP		Tiếng Anh		
315	Nguyễn Thọ Hà	01/04/1996	Nam	Văn Hà, Đông Anh	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Họ khẩu thường trú	Mã thí viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thí tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thí tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
316	Hoàng Hồng Hạnh	29/05/1991	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
317	Đỗ Duy Hiến	05/01/1988	Nam	Tiền Dương, Đông Anh	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
318	Nghiêm Đức Tá	05/02/1992	Nam	Văn Hà, Đông Anh	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
319	Hà Văn Thịnh	20/01/1991	Nam	Đại Mạch, Đông Anh	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
320	Nguyễn Thị Thu Hà	24/01/1998	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 4	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
321	Nguyễn Văn Thái	09/10/1992	Nam	Xuân Canh, Đông Anh	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
322	Nguyễn Thị Thom	17/08/1991	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
323	Nguyễn Thị Tú Uyên	18/06/1992	Nữ	Tiền Dương, Đông Anh	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Đông Anh	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B1	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
324	Đào Hương Huệ	02/10/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Kỹ năng CNTT		Tiếng Anh		
325	Hồ Đăng Quang	25/05/1992	Nam	Tiền Thịnh, Mê Linh	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
326	Nguyễn Tiến Thanh	13/11/1984	Nam	TT Sóc Sơn, Sóc Sơn	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
327	Phạm Thị Thủy	21/7/1989	Nữ	Văn Khê, Mê Linh	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	CTB, CBB	
328	Vũ Nguyễn Thảo Uyên	09/8/1997	Nữ	Tiền Dược, Sóc Sơn	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
329	Trần Quốc Việt	28/08/1987	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
330	Nguyễn Đào Vĩnh	09/5/1986	Nam	Việt Long, Sóc Sơn	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 370d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
331	Nguyễn Đức Giang	02/07/1995	Nam	Nguyễn Khê, Đông Anh	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Trung cấp CNTT	MTH	Tiếng Anh		
332	Trần Xuân Hưng	08/10/1982	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Tin học VP		Tiếng Anh		
333	Quách Thị Thủy Linh	07/11/1993	Nữ	TT Sóc Sơn, Sóc Sơn	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL ITP 380d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
334	Nguyễn Thị Kim Ngân	28/9/1990	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
335	Nguyễn Tiến Dũng	13/01/1996	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
336	Đàm Thị Thu Giang	26/3/1997	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Sóc Sơn	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	TOEFL ITP (380d)	IC3		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Diện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
337	Phạm Quốc Phong	06/01/1991	Nam	Hải Bối, Đông Anh	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mê Linh	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
338	Phan Thị Ngọc Ánh	28/10/1994	Nữ	Thụy An, Ba Vì	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
339	Nguyễn Công Bình	08/01/1985	Nam	Tây Đằng, Ba Vì	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
340	Phạm Quang Đạt	21/10/1981	Nam	Tây Bạt, Ba Vì	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	ETS - TOEIC tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CTB	
341	Nguyễn Phương Hoa	25/11/1998	Nam	Đồng Thái, Ba Vì	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật học	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEIC (6304)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
342	Kiều Thị Thái Hòa	20/9/1990	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
343	Trần Minh Huyền	28/11/1995	Nữ	Chu Minh, Ba Vì	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý nhà nước	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
344	Phùng Thị Thanh Huyền	22/04/1997	Nữ	Phủ Sơn, Ba Vì	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý nhà nước	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
345	Phùng Diệu Linh	15/9/1994	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	ETS - TOEIC tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
346	Nguyễn Thị Thùy Trang	24/10/1997	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
347	Đinh Việt Trung	27/07/1994	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ba Vì	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ A		Tiếng Anh		
348	Trần Mạnh Cường	13/12/1996	Nam	Viên Sơn, Sơn Tây	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội thị xã Sơn Tây	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
349	Nguyễn Hữu Tam	24/06/1987	Nam	Đông Xuân, Quốc Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội thị xã Sơn Tây	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC 200đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
350	Phùng Hoài Thu	13/09/1992	Nữ	Tịch Giang, Phúc Thọ	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội thị xã Sơn Tây	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
351	Phạm Vũ Đông	18/9/1993	Nam	Kim Thư, Thanh Oai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Đan Phượng	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
352	Lưu Thị Thu	29/05/1993	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Đan Phượng	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
353	Ấu Minh Khánh	01/09/1992	Nam	Việt Hưng, Long Biên	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Đan Phượng	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	HTNV	
354	Nguyễn Thị Ngọc Anh	06/11/1997	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
355	Nguyễn Văn Đình	23/12/1990	Nam	Bình Phú, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
356	Đỗ Thị Thu Hằng	04/12/1987	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
357	Vũ Thị Hằng	17/08/1993	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thí viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thí tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thí tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
									Tên CDNN	Mã số									
358	Nghiêm Thị	Hiên	09/01/1991	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
359	Hoàng Thị	Hiên	18/09/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
360	Nguyễn Đình	Huy	06/11/1992	Nam	Quốc Oai, Quốc Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 374d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
361	Nguyễn Thị	Huyền	05/12/1992	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	LV2 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
362	Đào Thị Mỹ	Linh	06/11/1993	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
363	Nguyễn Thị Hằng	Ly	06/02/1990	Nữ	Tân Xã, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
364	Đặng Trung	Nghĩa	08/09/1971	Nam	Trung Hòa, Cầu Giấy	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
365	Nguyễn Thị Nhã	Phương	24/10/1997	Nữ	TT Quốc Oai, Quốc Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
366	Nguyễn Thị	Thảo	18/07/1990	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	CBB	
367	Nguyễn Duy	Thiện	25/12/1982	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
368	Cần Thủy	Trang	14/11/1991	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
369	Phí Văn	Trường	24/08/1993	Nam	Đồng Trúc, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 377d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
370	Đỗ Minh	Vương	27/10/1993	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP (Bậc 2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
371	Nguyễn Thị Diệu	Linh	14/03/1988	Nữ	Đức Phương, Hoài Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CBB	
372	Trần Đăng	Thọ	12/04/1976	Nam	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
373	Lê Tồn	Tuân	19/04/1983	Nam	TT Quốc Oai, Quốc Oai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Tương đương A2	Trung cấp CNTT	MTH	Tiếng Anh	CTB	
374	Nguyễn Thị Phương	Dung	03/9/1992	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	A2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
375	Nguyễn Thị	Nhân	22/05/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
376	Phí Phương	Thảo	18/08/1992	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	A2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
377	Đào Mạnh	Tuân	14/10/1992	Nam	Bình Yên, Thạch Thất	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
378	Lê Tồn	Tuân	30/07/1989	Nam	Phù Cát, Quốc Oai	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thạch Thất	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bảng ĐH tiếng Anh	Trung cấp CNTT	MNN, MTH		CTB, HTNV	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
379	Nguyễn Thị Kiều Anh	14/12/1992	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
380	Nguyễn Văn Dũng	05/08/1994	Nam	Tĩnh Thái Bình	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC 205đ (Bậc 2)	Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản		Tiếng Anh		
381	Lê Quý Dương	24/03/1994	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
382	Bùi Thị Khánh Hòa	12/01/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
383	Nguyễn Đức Huy	17/10/1994	Nam	Bưởi, Tây Hồ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
384	Chu Thành Long	18/03/1994	Nam	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
385	Nguyễn Đăng Phùng	30/04/1984	Nam	Kim Bài, Thanh Oai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
386	Đào Anh Thịnh	05/07/1992	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
387	Hoàng Ngọc Thương	11/08/1987	Nam	Thụy Hương, Chương Mỹ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.03	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Kỹ năng sử dụng CNTT		Tiếng Anh		
388	Nguyễn Thị Phương Tri	20/08/1989	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
389	Nguyễn Đức Trung	09/04/1977	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 370 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	HTNV	
390	Lê Văn Tuấn	14/10/1992	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
391	Trương Anh Tuấn	28/10/1987	Nam	Tân Triều, Thanh Trì	ĐD	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	CNTT		Tiếng Anh		
392	Nguyễn Đình Cường	13/09/1976	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
393	Lê Thị Hiền	05/09/1994	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
394	Nguyễn Hồng Quân	11/09/1985	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
395	Hoàng Thu Trang	17/03/1994	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
396	Lê Thị Tuyết	23/01/1995	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL ITP tương đương A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
397	Chu Tuấn Anh	06/10/1991	Nam	Đồng Mai, Hà Đông	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	TOEFL ITP 370 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
398	Nguyễn Thị Đan	27/04/1988	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
399	Nguyễn Thị Hằng	27/03/1993	Nữ	Du Nghệ, Quốc Oai	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ A		Tiếng Anh		
400	Nguyễn Thị Minh Phương	23/4/1990	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKDD Hà Nội huyện Chương Mỹ	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Tên CDNN	Mã số									
401	Chu Thanh	Bình	29/01/1994	Nữ	Kim Tau, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Oai	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
402	Đoàn Thị Hiền		05/09/1977	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Oai	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
403	Đỗ Văn Minh		05/01/1982	Nam	Thanh Văn, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Oai	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh	HTNV	
404	Lê Trần Nga		17/10/1981	Nữ	Dương Nội, Hà Đông	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Oai	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.03	ĐH	Địa Chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP 380 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
405	Phan Thị Ngọc		12/01/1994	Nữ	Kim Thu, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Oai	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Tin học VP		Tiếng Anh		
406	Phạm Hồng Phong		26/10/1997	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Thanh Oai	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL ITP (367Đ)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
407	Vũ B nh An		30/12/1992	Nam	Nguyễn Trãi, Thường Tín	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
408	Nguyễn Thị Ngọc Bích		19/11/1992	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
409	Nguyễn Tuấn Đạt		01/10/1988	Nam	Vân Đình, Ứng Hòa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
410	Nguyễn Tuấn Đạt		08/09/1994	Nam	Vân Đình, Ứng Hòa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
411	Hoàng Văn Duy		22/10/1989	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
412	Vũ Thị Giang		26/08/1985	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	CNTT		Tiếng Anh	CTB	
413	Nguyễn Thị Minh Hạnh		10/08/1998	Nữ	Phú Cầu, Ứng Hòa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL-ITP 387đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
414	Phạm Văn Huy		06/01/1994	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
415	Vũ Thị Ngọc Lan		08/05/1990	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL-ITP 363đ (Bậc 2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
416	Nguyễn Thị Thủy Linh		05/9/1993	Nữ	Hoàng Văn Thu, Chương Mỹ	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
417	Lê Thị Nhớ		21/7/1984	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL-ITP 377đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
418	Nguyễn Thị Kim Oanh		12/10/1997	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
419	Trần Minh Phương		04/6/1997	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
420	Bùi Văn Quân		19/01/1985	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	B		Tiếng Anh		
421	Trần Minh Soái		26/07/1982	Nam	Xuy Xá, Mỹ Đức	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
422	Trương Văn Tân		23/06/1997	Nam	Minh Tân, Phú Xuyên	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL-ITP 397đ (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	CBB	
423	Nguyễn Đức Thông		06/05/1994	Nam	Đồng Tân, Ứng Hòa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thí viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thí tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thí tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điện-ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
424	Trần Nhật Tuấn	31/07/1993	Nam	Mình Đức, Ứng Hòa	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	B		Tiếng Anh		
425	Đình Quang Tuấn	25/10/1982	Nam	Phù Lương, Hà Đông	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
426	Nguyễn Thị Hương	24/07/1990	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
427	Phạm Thị Nga	30/8/1989	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
428	Hoàng Kim Ngọc	28/03/1991	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
429	Đào Thị Thủy Vân	11/02/1988	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
430	Trương Thị Thanh Hòa	24/9/1997	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý công	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
431	Nguyễn Thị Thư	20/10/1983	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Ứng Hòa	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật kinh doanh	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
432	Bùi Lanh Bá	25/10/1993	Nam	Đại Hưng, Mỹ Đức	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
433	Vũ Tại Ánh Hồng	29/04/1998	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEIC 290d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
434	Nguyễn Duy Hưng	07/8/1982	Nam	Đại Hưng, Mỹ Đức	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Trắc Địa	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
435	Ngô Ngọc Long	20/07/1988	Nam	Hàng Bột, Đống Đa	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
436	Nguyễn Thị Thảo My	02/11/1996	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	TOEFL-ITP 367d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
437	Phạm Minh Quyên	23/05/1995	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
438	Đặng Thành Trí	15/09/1994	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức	DD	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
439	Lê Hải Đăng	03/10/1991	Nam	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL-ITP 387d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
440	Phạm Văn Duy	29/11/1994	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
441	Trịnh Thị Hằng	11/05/1990	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
442	Đỗ Phương Anh	30/10/1995	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	TOEFL-ITP 403d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
443	Nguyễn Lan Hương	29/07/1993	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
444	Bách Anh Thuận	06/4/1993	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức	HC	Chi nhánh VP ĐKKĐ Hà Nội huyện Mỹ Đức	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản trị nhân lực	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Mã thi viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Diện ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
445	Phạm Hồng Đức	24/09/1994	Nam	Nhị Khê, Thanh Trì	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Thường Tín	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
446	Trần Minh Hằng	25/9/1997	Nữ	Thị trấn Thường Tín, Thường Tín	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Thường Tín	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL-ITP 377d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
447	Đoàn Thị Hiền	08/11/1985	Nữ	Phượng Dục, Phú Xuyên	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Thường Tín	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
448	Nguyễn Quang Huy	23/12/1997	Nam	Tiền Phong, Thường Tín	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Thường Tín	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
449	Nguyễn Thị Huyền	28/12/1993	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Thường Tín	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
450	Đào Anh Tùng	12/07/1992	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Thường Tín	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	C	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
451	Ngô Thị Thanh Xuân	22/10/1993	Nữ	Liên Phương, Thường Tín	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Thường Tín	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL-ITP 393d (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
452	Nguyễn Thị Huyền	28/09/1987	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Thường Tín	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
453	Nguyễn Danh Kiên	02/10/1998	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Phú Xuyên	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
454	Nguyễn Năm Trung	11/05/1982	Nam	Tân Tiến, Chương Mỹ	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội huyện Phú Xuyên	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
455	Nguyễn Đức Duy	27/05/1995	Nam	Hàng Bột, Đống Đa	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	A2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
456	Nguyễn Thị Bích Hiền	04/08/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
457	Phạm Thị Thanh Mùng	29/10/1994	Nữ	Kiều Kỵ, Gia Lâm	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
458	Nguyễn Anh Ngọc	06/10/1992	Nam	Minh Cường, Thường Tín	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Kỹ năng sử dụng CNTT		Tiếng Anh		
459	Nguyễn Việt Thanh	29/9/1983	Nam	Ngọc Khánh, Ba Đình	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
460	Lương Tiến Thành	04/08/1990	Nam	Thượng Đình, Thanh Xuân	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	C	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
461	Vũ Tất Thường	16/11/1987	Nam	Vĩnh Phúc, Ba Đình	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	Bậc 2	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
462	Nguyễn Đức Trung	24/09/1992	Nam	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
463	Trần Đức Việt	09/7/1991	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐĐ	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Địa chính	Đại học: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
464	Phùng Thế Chuyên	24/07/1983	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	A2	Kỹ năng sử dụng CNTT		Tiếng Anh		
465	Nguyễn Hữu Dũng	17/6/1993	Nam	Việt Hùng, Đông Anh	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Khoa học đất	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
466	Bùi Thị Hồng Hạnh	21/07/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	TOEFL-ITP 383d (Bậc 2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hệ khẩu thường trú	Mã thí viết chuyên ngành V2	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thí tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thí tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Điểm ưu tiên	Ghi chú
								Tên CDNN	Mã số									
467	Trần Thị Hiền	10/09/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Hành chính một cửa (Kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	Ths	Quản lý đất đai	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		
468	Vũ Tsj Thùy	08/12/1996	Nữ	Tỉnh Quảng Ninh	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Hành chính một cửa (kiểm kê toán)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý đất đai	Bậc 3	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
469	Nguyễn Thanh Huyền	09/08/1991	Nữ	Đông Xuân, Hoàn Kiếm	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Luật Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	B	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh		
470	Hoàng Vũ Trung	08/06/1995	Nam	Hà Cầu, Hà Đông	HC	Chi nhánh VP ĐKĐĐ Hà Nội khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa	Hành chính tổng hợp (kiểm thủ quỹ)	Chuyên viên	01.003	ĐH	Kinh tế	Đại học: Luật, Quản lý hành chính công, Quản lý kinh tế, Quản trị nhân lực	TOEIC tương đương B1	Tin học ứng dụng		Tiếng Anh		

**DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VIÊN CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI NĂM 2020**
(Kèm theo Thông báo số 1384 /TB-STNMT-VP ngày 29/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

Biểu 2

Tổng số: 03 người không đủ điều kiện dự thi.

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Hộ khẩu thường trú	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm đăng ký thi tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ NN	Trình độ tin học	Ghi chú miễn NN, Tin học	Ngoại ngữ dự thi	Diện ưu tiên	Ghi chú
							Tên CDNN	Mã số									
1	Đinh Quốc Đạt	21/03/1979	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế hoạch tài chính	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản lý kinh doanh	Quản lý kinh doanh/ Tài chính kế toán	Bậc 2	Chứng chỉ B		Tiếng Anh		Ngành/ chuyên ngành đào tạo chưa đúng với ngành/ chuyên ngành cần tuyển
2	Nguyễn Thế Tường	24/12/1987	Nam	Vạn Thái, Ứng Hòa	Phòng Kế hoạch - Tài chính, TT Phát triển quỹ đất Hà Nội	Kế hoạch tài chính	Chuyên viên	01.003	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý kinh doanh/ Tài chính kế toán	TOEFL ITP 337 (A2)	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT CB		Tiếng Anh	HTNV	Ngành/ chuyên ngành đào tạo chưa đúng với ngành/ chuyên ngành cần tuyển
1	Nguyễn Đức Thắng	10/03/1994	Nam	Phú Kim, Thạch Thất	Phòng Quản lý và phát triển quỹ đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội	Quản lý và phát triển quỹ đất	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Toeic 370 (nội bộ)	Chứng nhận Kỹ năng CNTT cơ bản		Tiếng Anh		Không đủ ĐK về ngoại ngữ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐÍNH CHÍNH THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Tên tôi là:

Ngày sinh:

Số CMND/CCCD:

Ngày/...../2020, tôi đã nộp Phiếu đăng ký thi tuyển viên chức tại
Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Đơn vị đăng ký thi tuyển:

.....

Vị trí dự tuyển:

Sau khi xem tổng hợp danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự
thi tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và
Môi trường Hà Nội năm 2020 kèm theo Thông báo số/TB-STNMT-VP
ngày/12/2020 tôi thấy có các nội dung sau chưa đúng so với Phiếu đăng ký
dự thi tôi đã nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, tôi đề nghị Sở Tài
nguyên và Môi trường kiểm tra đính chính nội dung sau:

TT	Nội dung tại danh sách tổng hợp	Đề nghị đính chính lại theo đơn

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật, nếu khai sai
tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI VIẾT ĐƠN